

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS - ST  
Ngày: 21 – 8 – 2020  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thúy Mai
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

*Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Đức Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Hoàng Mai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần B (BIDV); địa chỉ: Tháp B, số 35 HV, quận H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Gia H – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q; ủy quyền lại cho ông Nguyễn Phúc M – Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q (Được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số: 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 từ ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số: 1146/QĐ-BIDV.QB ngày 24/10/2019 từ ông Lê Gia H–

Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q) địa chỉ: Số 189 đường HN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông M có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 50 đường BTX, phường ĐM (nay là phường ĐH), thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Từ ngày 18/5/2015 đến 16/11/2016 ông Nguyễn Ngọc T ký kết với ngân hàng Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q (BIDV Q) các Hợp đồng tín dụng gồm:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ số đăng ký tại Ngân hàng: 01/2118515 ngày 19/5/2015; số tiền vay 130.000.000 đồng; mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và gia đình; thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng của BIDV Q cộng (+) 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh vào các ngày 01/6, 01/12 hàng năm theo thông báo lãi suất của BIDV Q tại thời điểm điều chỉnh. Trong mọi trường hợp lãi suất cho vay không cao hơn lãi suất tối đa và không thấp hơn lãi suất tối thiểu do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: 11%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng kể từ ngày quá hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác về mức lãi suất quá hạn).

Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ, số đăng ký tại Ngân hàng: 01/2118515 ngày 17/11/2016; số tiền cho vay theo hạn mức thấu chi là: 45.000.000 đồng; mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân và gia đình; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau đang áp dụng của BIDV Q cộng (+) 2,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh vào ngày 01 hàng tháng theo thông báo lãi suất của BIDV Q tại thời điểm điều chỉnh. Trong mọi trường hợp lãi suất cho vay không cao hơn lãi suất tối đa và không thấp hơn lãi suất tối thiểu do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng cấp hạn mức thấu chi là: 8,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn nêu tại Điểm a khoản 5 của Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi áp dụng kể từ ngày quá hạn. Tổng số tiền vay mà ông T vay tại Ngân hàng với hai Hợp đồng trên là 175.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay ông Nguyễn Ngọc T đã sử dụng thu nhập của mình thông qua lương, thưởng hàng tháng, được chi trả tại Trường Cao đẳng kỹ thuật Công – Nông nghiệp Q với ông Nguyễn Ngọc T. Giấy đề nghị vay vốn của ông Nguyễn Ngọc T có xác nhận về thu nhập hàng tháng của Trường Cao đẳng kỹ thuật Công – Nông nghiệp Q.

Sau khi ký các hợp đồng trên với Ngân hàng: Về Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 19/5/2015, đến ngày 07/3/2019 ông T đã trả số tiền gốc là 130.000.000 đồng; số tiền lãi là: 22.572.183 đồng; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 17/11/2016, đến ngày 07/3/2019 ông T đã trả số tiền gốc 8.096.058 đồng, số tiền lãi ông T không trả cho Ngân hàng.

Tuy nhiên quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi trên: ông Nguyễn Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP B theo quy định tại hợp đồng, nên toàn bộ khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ bị chuyển sang nợ quá hạn với số tiền lãi còn lại được chuyển qua lãi quá hạn từ ngày 24/01/2018, mức lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận. Tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2016/HĐ bị chuyển qua nợ quá hạn bao gồm cả gốc và lãi từ ngày 13/4/2018. Như vậy, tính đến ngày 21/8/2020, ông Nguyễn Ngọc T còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền: Số tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng là 4.014.468 đồng; số tiền tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tổng số tiền 48.589.216 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 36.903.942 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.685.274 đồng). Từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Thành thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T không thực hiện và vi phạm cam kết.

Vì vậy, để thu hồi nợ vay nói trên, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền tại hai Hợp đồng là: 52.603.684 đồng gồm nợ gốc, nợ lãi quá hạn và đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Ngọc T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B; đề nghị Tòa án tuyên trong bản án buộc ông Nguyễn Ngọc T tìm mọi nguồn thu khác để trả nợ cho ngân hàng và ngân hàng B được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T để thu hồi nợ.

*\* Đối với bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án và nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn ông Nguyễn Ngọc T không đến Tòa án theo thời gian quy định. Do các bên đương sự không tự thỏa thuận được, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường ĐH, thành phố Hới nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

*\* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phân xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

*\* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

*\* Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng: Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 21/8/2020 là: Số tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng là 4.014.468 đồng; số tiền tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tổng số tiền 48.589.216 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 36.903.942 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.685.274 đồng); tổng số tiền của Hai hợp đồng mà ông T phải trả cho ngân hàng là 52.603.684 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T có HKTT tại: Số 50 đường BTX, phường ĐH, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/HĐ ngày 19/5/2015; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 17/11/2016 đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và ông Nguyễn Ngọc T là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, qua tra cứu hồ sơ lưu trữ và xác minh ở Công an phường ĐH thì: Ông Nguyễn Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại số 50 đường BTX, phường ĐH, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; số hồ sơ hộ khẩu: 549, là chủ hộ và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu. Hiện nay, ông Nguyễn Ngọc T không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú. Cũng như tiến hành xác minh, làm việc tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công – Nông nghiệp Q nơi ông T xác nhận điều kiện để đảm bảo cho việc vay vốn tại Ngân hàng đó là ông T đã sử dụng thu nhập của mình thông qua lương, thưởng hàng tháng, được chi trả tại Trường Cao đẳng kỹ thuật Công – Nông nghiệp Q với ông Nguyễn Ngọc T. Tuy nhiên, sau khi xác minh và làm việc với đại diện của Trường Cao đẳng kỹ thuật Công – Nông nghiệp Q thì ông Nguyễn Ngọc T đã tự ý nghỉ việc tại trường từ tháng 02/2018 cho đến nay, tất cả các khoản lương, thưởng, bảo hiểm của ông Thành hiện nay nhà trường không chịu trách nhiệm quản lý chi trả, tất cả hồ sơ liên quan đến ông Thành nhà trường không lưu giữ.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền

của nguyên đơn có mặt còn ông T vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...”*. Như vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông T đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của ông Thành và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐST-DS ngày 09/7/2020/2020 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn ông T cư trú. Ngày 24/7/2020 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS ngày 24/7/2020 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21/8/2020 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại tổ dân phố 1 và trụ sở UBND phường ĐH, thành phố H nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, ông T tiếp tục vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc T.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ ngày 18/5/2015 đến 16/11/2016 ông Nguyễn Ngọc T ký kết với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q (BIDV Q) các Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 19/5/2015 vay số tiền 130.000.000 đồng mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và gia đình; thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng của BIDV Q cộng (+) 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh vào các ngày 01/6, 01/12 hàng năm theo thông báo lãi suất của BIDV Q tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: 11%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng kể từ ngày quá

hạn. Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 17/11/2016; số tiền cho vay theo hạn mức thấu chi là: 45.000.000 đồng; mục đích sử dụng hạn mức thấu chi: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân và gia đình; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau đang áp dụng của BIDV Q cộng (+) 2,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh vào ngày 01 hàng tháng theo thông báo lãi suất của BIDV Q tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn nêu tại Điểm a khoản 5 của Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi áp dụng kể từ ngày quá hạn. Xét các hợp đồng tín dụng nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 24/01/2018 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2015 HĐ ngày 19/5/2015; đến ngày 13/4/2018 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 17/11/2016. Hiện nay khoản nợ đã chuyển qua nợ quá hạn, ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp cũng như tạo điều kiện để ông T tìm mọi khả năng thanh toán nợ nhưng ông vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Sau đó, phía Ngân hàng cũng đã dùng nhiều biện pháp để tiếp cận cũng như tìm hiểu thông tin của bị đơn nhưng không có thông tin. Như vậy, ông Nguyễn Ngọc T đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử 21/8/2020, ông Nguyễn Ngọc T còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền như sau: Số tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng là 4.014.468 đồng; số tiền tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tổng số tiền 48.589.216 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 36.903.942 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.685.274 đồng); tổng số tiền tại hai Hợp đồng là: 52.603.684 đồng gồm nợ gốc, nợ lãi quá hạn. Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ. Trong trường hợp ông Nguyễn Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng BIDV, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T tìm mọi nguồn thu khác để trả nợ cho ngân hàng và ngân hàng BIDV được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T để thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản có tranh chấp là: 52.603.684 đồng x 5% = 2.630.184 đồng để sung quỹ nhà nước.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 1.085.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006301 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (BIDV).

1.1. Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả cho Ngân hàng TMCP B(BIDV) số tiền tính đến ngày 21/8/2020 là: Số tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 19/5/2015 là 4.014.468 đồng; số tiền tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2016/HĐ ngày 17/11/2016 là 48.589.216 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 36.903.942 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.685.274 đồng); tổng số tiền gốc, lãi tại hai Hợp đồng là: 52.603.684 đồng.

1.2. Từ ngày 22/8/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng ông Nguyễn Ngọc T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ số đăng ký tại Ngân hàng: 01/2118515 ngày 19/5/2015 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ, số đăng ký tại Ngân hàng: 01/2118515 ngày 17/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ông Nguyễn Ngọc T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.



Trong trường hợp ông Nguyễn Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng BIDV, buộc ông Nguyễn Ngọc T tìm mọi nguồn thu khác để trả nợ cho ngân hàng và ngân hàng BIDV được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T để thu hồi nợ.

## 2. Án phí:

2.1. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 2.630.184 đồng.

2.2. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 1.085.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006301 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/8/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
*(Hội thẩm nhân dân)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Vòng      Dương Thị Hồng Liên**

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**